

CHÙA CẦU ĐÔNG - MỘT DI TÍCH QUAN TRỌNG GÓP PHẦN XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

PHẠM THU HẰNG

Tóm tắt: *Chùa Cầu Đông là ngôi chùa cổ thuộc thiên phái Tào Động, hiện ở số 38^B phố Hàng Đường, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào di vật có niên đại sớm nhất (bia “Đông Môn tự ký” - 1624) thì vào khoảng đầu thế kỷ XVII, chùa Cầu Đông đã có mặt trên mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn vật. Giá trị kiến trúc, điêu khắc và hệ thống di vật của chùa chủ yếu mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn - giai đoạn cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam. Giá trị đặc biệt của chùa Cầu Đông tập trung ở hệ thống di vật, đặc biệt là di vật có minh văn (bia đá, chuông đồng). Địa điểm tồn tại của ngôi chùa là cứ liệu quan trọng để giới khoa học “tìm lại dấu vết thành Thăng Long”- xác định vị trí phía Đông của hoàng Thành Thăng Long.*

Chùa Cầu Đông thuộc thiên phái Tào Động, hiện ở số 38^B phố Hàng Đường, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nằm sát tường hồi bên trái chùa Cầu Đông là đình Đức Môn, cũng thuộc số nhà 38^B phố Hàng Đường. Chùa Cầu Đông và đình Đức Môn có quan hệ gắn bó mật thiết, là hợp thể thống nhất chứ không đơn thuần là hai di tích đứng cạnh nhau, bởi có thể coi đình Đức Môn là công trình riêng để thờ Đức Ông - một loại tượng cố định, có mặt ở tất cả các ngôi chùa.

Chùa Cầu Đông không quá nổi tiếng về cảnh quan hay qui mô, song tiềm ẩn những giá trị kiến trúc - nghệ thuật và lịch sử.

1. Chùa Cầu Đông có niên đại lâu đời, nằm ở trung tâm khu phố cổ của Hà Nội

Chùa có tên chữ là Đông Môn Tự - chùa Đông Môn. Chữ “Đông” nghĩa là *phía Đông*, còn “Môn” nghĩa là *cửa*. Sở dĩ có tên gọi này vì xưa kia chùa thuộc thôn Đông Hoa Môn, phía đông của Hoàng thành Thăng Long. Tuy nhiên, người dân nơi đây lại quen gọi là chùa Cầu Đông vì chùa nằm gần cầu Đông trên dòng sông Tô, bên cạnh chợ Cầu Đông ngày trước.

*Cầu Đông vang tiếng chợ chùa
Trăng soi giá nến, gió lùa khói hương
Mặt ngoài có phố Hàng Đường*

Phố Hàng Đường - nơi di tích chùa Cầu Đông tọa lạc - thuộc trung tâm buôn bán sầm uất nhất của Thăng Long xưa, khu vực này có nhiều địa danh văn hóa, còn ghi dấu đậm nét trong văn hóa dân gian của Hà Nội cổ.

Trước đây, sông Tô Lịch từ cửa sông đi qua phố Nguyễn Siêu, Ngõ Gạch, cắt ngang phố Hàng Đường rồi đi chéo sang phố Hàng Lược mà lên Bưởi. Để đi qua khúc sông Tô ở chỗ Hàng Đường có một cái cầu đá, gọi là Cầu Đông (cầu của thôn Đông Hoa Môn). Tương truyền ở đầu cầu có pho tượng Phật trên bệ lộ thiên. Tượng làm bằng đá trắng, ngòai xếp bằng tròn, cao hơn hai mét với nụ cười mím nhân từ nên có tên là tượng Tiếu Phật (Phật cười). Đây là pho tượng nổi danh của Hà Nội cổ, được ca dao truyền tụng:

Phật đá Cầu Đông, tượng đồng Trấn Võ

Cạnh Cầu Đông có khu chợ gọi là chợ Cầu Đông, quen thuộc trong dân gian qua bài ca với lời lẽ thật hóm hỉnh:

Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng

Lợi thì có lợi nhưng rằng chẳng còn

Chợ Cầu Đông cũng chính là nơi mà Tú Uyên - chàng trai si tình của đất Bích Câu mua được bức tranh người đẹp Giáng Kiều, thêu dệt nên chuyện tình thơ mộng trong “*Bích Câu kỳ ngộ*” của Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, hiện còn lưu dấu tại Bích Câu đạo quán (số 14 phố Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội).

Chùa Cầu Đông có niên đại khá lâu đời, bản thân di tích có bề dày lịch sử đáng trân trọng. Trong cuốn “*Hà Nội phố phường*”, tác giả Giang Quân cho rằng chùa Cầu Đông là “*di tích cổ từ thời định đô Thăng Long*” (1, tr.89). Theo truyền thuyết, vào thời Trần (1225 - 1400), chùa được Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung cho tu bổ, sửa sang cảnh quan. Nhà Hà Nội học Nguyễn Vinh Phúc có ý kiến rằng chùa Cầu Đông “*là nơi duy nhất ở Hà Nội thờ vợ chồng Trần Thủ Độ*” nhưng “*lý do vì sao thì còn phải tìm hiểu thêm*” (2, tr.44 - 45). Hồ sơ di tích chùa Cầu Đông (do tác giả Nguyễn Thị Hiền, Ban quản lý di tích - danh thắng Hà Nội lập) lại dựa vào câu chuyện trong sách “*Thiên phả*” của phái Tào Động để xác định niên đại của chùa - được “*xây dựng lại*” vào cuối thế kỷ XVII. Căn cứ vào hệ thống di vật của chùa thì vào khoảng đầu thế kỷ XVII, chùa Cầu Đông đã có mặt trên mảnh đất Thăng Long ngàn năm văn vật, sự hiện diện của chùa được ghi nhận một cách chắc chắn và cụ thể qua tấm bia “*Đông Môn tự ký*” (Bài ký trên bia chùa Đông Môn), niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 6 (1624). Có thể di tích đã được khởi dựng trước khi Thiên phái Tào Động du nhập vào Đàng Ngoài và sau đó trở thành một nhánh của phái thiên này*.

Về đình Đức Môn, nhiều ý kiến cho rằng di tích này “*có niên đại tương đương chùa Cầu Đông, khoảng thời Hậu Lê, thế kỷ XVI - XVII*” (3, tr.146). Tuy nhiên, chắc là đình xuất hiện sau chùa Đông Môn, vì tấm bia Vĩnh Tộ thứ 6 (1624) khi miêu tả khu đất

chùa đã không đề cập tới ngôi đình này. Căn cứ vào di vật có niên đại sớm nhất - bức chạm đá ở trước gian Tiền tế, thì đình Đức Môn cũng có niên đại đầu thế kỷ XVII. Theo bức hoành phi của đình thì di tích này vốn tên là Đức Môn từ, có nghĩa là đền Đức Môn. Do đó, có thể đình bắt nguồn từ đền hay “*đình và đền nhập lại*” (4, tr.11). Đình thờ Ngô Văn Long, một vị tướng thời Hùng Vương. “*Thuở thanh niên, ông là người tinh thông võ nghệ, được vua tin dùng và phong ấp ở quê mẹ là làng Thành Quả (nay là Sinh Quả, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây). Hồi ở Hoan Châu (Nghệ An) có giặc Hồ Lư, Ngô Văn Long được cử làm tướng đem binh đi đánh dẹp. Thắng trận trở về, ông được phong chức cao nhất trong triều. Sau khi ông mất, làng Thành Quả thờ ông. Đến thế kỷ XI, Lý Thái Tổ lệnh cho các chùa thờ ông làm Long thần*” (3, tr.146).

2. Chùa Cầu Đông có giá trị về kiến trúc - nghệ thuật

Trải qua bao mưa nắng, biến đổi, chùa Cầu Đông hiện tại nhỏ bé hơn nhiều so với cảnh quan xưa được văn bia ghi chép: “*Chùa Đông Môn đẹp như cảnh tiên, dải sông Nhị phố bày trước mắt, thành Thăng Long dăng khắp sau lưng, cao hàng trăm trượng. Khí thiêng hun đúc chùa cao ngất, ân đức phù trì nước bên lâu.*” (Bia “Đông Môn tự” - niên hiệu Dương Hoà thứ 5 - 1639). Tuy nhiên, di tích vẫn phần nào giữ được dáng vẻ thâm nghiêm và không gian thanh tịnh của chốn cửa thiền.

Chùa Cầu Đông hiện nay là một quần thể kiến trúc nhìn về hướng Đông, quay mặt về phía bờ sông Hồng. Tam quan chùa nằm sát mặt phố Hàng Đường, là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố hiện đại và phong cách truyền thống, do vậy không mất đi nét uyển chuyển, mềm mại, phần nào xóa được sự thô cứng của vôi vữa. Khu chùa chính có kết cấu dạng chữ “*Công*” gồm Tiền đường - Thiêu hương - Thượng điện. Vì gỗ chủ yếu làm theo hai kiểu: *vi kèo* và *giá chiêng biến thể*. Vì diện tích đất có hạn nên hầu hết các cột cái đều mang tính chất cột trốn để làm thoáng lòng nhà. Kiến trúc chùa và hệ thống di vật phần lớn mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn - giai đoạn cuối cùng của chế độ phong kiến Việt Nam. Các cấu kiện gỗ phần lớn được soi gờ, kẻ chỉ; quá giang, kẻ, đầu dư chạm nổi văn thực vật với các mẫu đơn giản, đôi khi là hình cánh sen cách điệu hay chữ Thọ. Nét trang trí sâu, mềm mại tạo sự duyên dáng cho kết cấu gỗ. Nhìn chung, giá trị điêu khắc, trang trí tập trung chủ yếu ở bộ *vì ván mé* và hai *cốn* của gian tiếp giáp giữa Tiền đường với Thiêu hương, với kỹ thuật chạm lộng, chạm bong kênh tạo những họa tiết khá sinh động theo chủ đề mặt hổ phù, rồng vờn mây. Có chung vách với phần chùa chính về bên trái là đình Đức Môn. Đình có cấu trúc dạng ống gồm ba tòa nhà nối liền nhau, đều chia ba gian. Kết cấu vì gỗ chỉ mang tính chất tượng trưng, bộ phận chịu lực chính là trụ gạch và tường bao.

Chùa Cầu Đông và đình Đức Môn đã song song tồn tại, gắn bó với nhau, tạo nên tổng thể công trình với cấu trúc nội công ngoại quốc - lối kiến trúc thường thấy ở các chùa lớn của Việt Nam. Trong khuôn viên khép kín, chùa như tách khỏi không khí ồn ào của phố phường, hàm chứa một sức mạnh cao siêu, vi diệu mà nhịp sống hiện đại bên ngoài không thể lấn át được. Phật tử cảm thấy tâm hồn thư thái mỗi khi vào chùa, thấp hương lễ Phật.

Chùa Cầu Đông có số lượng tượng tròn tương đối phong phú (gần 60 pho), một số pho giá trị tạo tác khá cao, điển hình là bộ Tam Thế Phật (niên đại thế kỷ XVIII), tượng Quan Âm Nam Hải (niên đại cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII). Đặc biệt, chùa là nơi duy nhất ở Hà Nội có tượng của Linh từ Quốc mẫu Trần Thị Dung - người phụ nữ họ Trần có công mở mang cơ nghiệp cho gia tộc và góp phần vào chiến thắng quân Nguyên lần thứ nhất (1258) của dân tộc ta. Ngoài ra, đồ thờ quý của di tích chùa Cầu Đông như nhang án, giá gỗ đỡ bát hương tạo hình tứ vị Kim Cương ... là những tác phẩm nghệ thuật hoàn hảo, quý hiếm, thể hiện nghệ thuật điêu khắc tinh tế, tài hoa của người Việt.

3. Chùa Cầu Đông có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định vị trí phía Đông của Hoàng Thành Thăng Long

Giá trị đặc biệt của chùa Cầu Đông tập trung ở hệ thống di vật, đặc biệt là di vật có minh văn (bia đá, chuông đồng). Đây là những cứ liệu quan trọng để giới khoa học “*tìm lại dấu vết thành Thăng Long*” - xác định vị trí phía Đông của Hoàng Thành xưa.

Kinh đô Thăng Long của nước Đại Việt được xây dựng từ thế kỷ XI gồm ba vòng thành: khu cung điện của vua và triều đình gọi là Đại Nội, bao quanh là một vòng thành được bảo vệ nghiêm ngặt - Cấm Thành; phía ngoài có vòng thành thứ hai gọi là Hoàng Thành (còn gọi là thành Thăng Long) và ngoài cùng là vòng thành thứ ba gọi là thành Đại La hay Thăng Long ngoại thành.

Hoàng Thành là khu Thị - Dân cư bao gồm những xóm làng nông nghiệp, những phố phường thủ công nghiệp và một hệ thống bến - chợ của kinh thành. Thời Lý, Hoàng Thành đắp bằng đất, phía ngoài đào hào, mở bốn cửa: Tường Phù phía Đông, Quảng Phúc phía Tây, Đại Hưng phía Nam và Diệu Đức phía Bắc. Thời Trần, thành Thăng Long cơ bản giữ nguyên quy mô và cấu trúc từ thời Lý. Trong 175 năm đóng đô tại đây, nhà Trần tận dụng các cơ sở đã có, tu bổ mở mang thêm một số công trình cần thiết.

Thời Lê, năm 1516, Hoàng Thành được mở rộng thêm về phía Đông, “*đắp thành to rộng mấy nghìn trượng, bao vây cả điện Tường Quang, quán Trấn Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, từ phía Đông đến phía Tây - Bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp Hoàng Thành, dưới làm cửa cống, lấy ngói vỡ và đất đá nện xuống, lấy đá phiến gạch vuông xây lên, lấy sắt khâu ngang*” (5, tr.81). Theo bản đồ thành Đông Kinh thời Hồng Đức (theo lối họa đồ, chưa có tỷ lệ) thì Hoàng Thành được xây bằng gạch đá, trên có ụ bắn mở ba cửa: cửa Đông hay Đông Hoa, cửa Nam hay cửa Đại Hưng và cửa Bảo Khánh (khu Giảng Võ).

Sang thế kỷ XVIII, vì không được tu sửa thường xuyên, tường Hoàng Thành bị sụt lở nhiều. Khi quân Tây Sơn tiến ra Bắc, các cửa Hoàng Thành đã bị đổ gần hết, chỉ còn hai cửa Đại Hưng và Đông Hoa. Nhà Tây Sơn đã cho đắp lại Hoàng Thành theo nền cũ từ cửa Đông Hoa đến cửa Đại Hưng, đồng thời làm thêm một số công trình mới. Dưới thời Nguyễn, vua Gia Long ra lệnh phá bỏ Hoàng Thành cũ và xây dựng một toà thành mới theo kiểu Vô băng (Vauban).

Những năm gần đây, vấn đề vị trí thành Thăng Long được nhiều nhà sử học quan tâm nghiên cứu. Một số giả thuyết đã được nêu ra nhưng cần được kiểm chứng qua khảo sát thực địa và khai quật khảo cổ học. Tại khu vực phía Đông, giới nghiên cứu chú ý đến các di tích: chùa Cầu Đông (38 Hàng Đường), đình Đông Môn (số 8 phố Hàng Cân), đền Bạch Mã (76 Hàng Buồm) và Hội quán Phúc Kiến (40 Lãn Ông).

Hiện tại, đình Đông Môn, diện tích thu hẹp nhiều, đồ thờ tự không còn gì và cũng chưa được xếp hạng. Tuy nhiên, đình cũng là một chỉ giới quan trọng để xác định vị trí Cửa Đông tức cửa Tường Phù thời Lý, Trần, sang thời Lê đổi thành cửa Đông Hoa và dân gian quen gọi là Cửa Đông.

Vị trí của đền Bạch Mã được định vị ở phía Nam sông Tô Lịch trên Bản đồ Hồng Đức, gần cửa sông Tô đổ ra sông Nhị, thuộc phường Giang Khẩu. “*Việt điện u linh*” có đoạn chép về đền này: “*Đến đời nhà Lý dựng đô ở Thăng Long, vua Thái Tông cho mở phố chợ về phía Cửa Đông, hàng quán chen chúc, sát đến bên đền, rất là huyền ảo. Muốn dựng đền ra một chỗ khác song vua lại nghĩ, một ngôi đền cổ không nên dời đi, mới đem sửa sang lại, đền liền với các nhà ngoài phố, riêng để một nhà bên trong làm nơi thờ thần... Trước đây ở phố Chợ Đông, ba lần phát hỏa, các nhà trong phố bị cháy hầu hết, duy đến chỗ thờ thần, lửa không bao giờ cháy đến*” (6, tr.86).

Hội quán Phúc Kiến còn lưu giữ một tấm bia niên đại Gia Long thứ 16 (1817), cung cấp thông tin đáng lưu ý là người Hoa mua đất ở xứ cửa Đông Hoa để xây Hội quán.

Chùa Cầu Đông về cơ bản vẫn giữ vị trí ban đầu, lưu giữ nhiều di vật quý phục vụ cho việc nghiên cứu. Tấm bia cổ nhất tại chùa - “Đông Môn tự ký” có niên hiệu Vĩnh Tô thứ 6 (1624) đã chép về cảnh quan chùa như sau: “*Chùa Đông Môn là một danh lam cổ tích thắng cảnh. Sông Nhị Hà chảy quanh phía trước, nghìn dòng vạn nhánh. Thành Thăng Long ở sát phía sau, núi non trùng điệp như hổ phục*”. Bia còn ghi rõ vị trí thửa ruộng mà vị sư trụ trì chùa lúc đó là Đạo Án dùng vào việc mở mang chốn bồng đề: “*Bốn phía thửa ruộng: trên giáp cầu Đá, dưới giáp phường Diên Hưng, phía trước giáp đường cái, phía sau giáp Đông Ngục*”. Như vậy, thành Thăng Long nằm ở sau chùa và vị trí chùa hiện nay chính là thửa ruộng được đề cập, phía trên là cầu Đá tức Cầu Đông, phía trước là đường cái nay là phố Hàng Đường, phía dưới giáp phường Diên Hưng - tức phố Hàng Ngang, phía sau là Đông Ngục nay có thể là khu nhà dân sau chùa trông ra phố Chả Cá. Bài minh trên quả chuông chùa Cầu Đông - “Đông Môn tự chung” đúc năm Cảnh Thịnh thứ 8 (1800) còn cho biết về vị trí của Cửa Đông Hoa: “*Duy nơi chùa cổ, cầu Đá phía Đông, sông Tô chảy bên trái, cửa Hoa bên phải*”.

Dựa vào chi tiết được ghi chép trên cổ vật chùa Cầu Đông, kết hợp với tài liệu địa chí và sau quá trình tìm tòi, suy luận, nhà nghiên cứu Phạm Hân đã đi đến kết luận: “*Cho phép ta hình dung bức tường thành phía Đông chạy thẳng từ bắc xuống nam gần trùng hợp với phố Thuốc Bắc, mà Cửa Đông, tức cửa Đông Hoa có nhiều khả năng nằm trên quãng phố Lãn Ông nối với Hàng Vải. Đó là mặt phía Đông của Hoàng Thành*” (7, tr.63). Giáo sư Sử học Phan Huy Lê cũng khẳng định: “*Có thể xác định cửa Tường Phù tức Cửa Đông của Hoàng Thành mở ra phía đền Bạch Mã, cửa sông Tô, khoảng gần Cầu*

Đông bắc qua sông Tô... đoạn thành đông của Hoàng Thành nằm khoảng phố Thuốc Bắc và cửa Trường Phù/ Cửa Đông ở khoảng giao nhau của phố Thuốc Bắc - Lãn Ông ngày nay” (8, tr.338 - 339).

Có thể nói, di tích chùa Cầu Đông với các di vật như bia đá, chuông đồng đã cung cấp những cứ liệu đáng tin cậy để xác định vị trí phía Đông của Hoàng Thành Thăng Long; có ý nghĩa khi nghiên cứu về Thủ đô Hà Nội, đặc biệt trên phương diện địa lý - lịch sử.

Những năm gần đây, chùa Cầu Đông đã được tu bổ nhiều bằng kinh phí của Nhà nước và sự đóng góp của Phật tử cùng khách thập phương. Đây là một di tích được xã hội hóa cao trong việc bảo tồn, tôn tạo, được quận Hoàn Kiếm và thành phố Hà Nội lấy làm điển hình để các nơi khác làm theo.

Di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh là một nét đặc sắc trong diện mạo văn hoá của Thủ đô. Không thể hình dung về Hà Nội mà lại thiếu vắng các di tích và thắng cảnh. “*Chúng vừa là những tảng đá nền kê chân cột để tạo dựng, vừa là những bằng sắc để chứng minh, vừa là nét vàng son của phẩm chất đặc trưng, vừa là linh hồn của những giá trị thiêng liêng trên mảnh đất ngàn năm văn vật*” (9, tr.11). Hiện nay, công tác bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử - văn hoá đã và đang trở thành một vấn đề mang tính thời sự, được các ngành chức năng coi trọng. Riêng với Hà Nội, công tác này là một nội dung quan trọng trong chương trình hoạt động hướng tới kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Chính vì vậy, cũng như nhiều di tích lịch sử - văn hóa khác của thủ đô nói chung, di tích chùa Cầu Đông cần tiếp tục được bảo tồn, khẳng định và khai thác, phát huy các giá trị vốn có.

Chú thích: * Thiên phái Tào Động có nguồn gốc từ Trung Quốc, truyền bá vào Việt Nam vào khoảng thế kỷ XVII. Thiên sư Thủy Nguyệt (1636-1704) quê ở xã Thanh Triều (Tiên Hưng, Thái Bình), xuất gia tại chùa Nhẫn Dương (Đông Triều, Quảng Ninh), tương truyền, ngài đi cầu đạo ở núi Phượng Hoàng (Trung Quốc), đắc pháp với thiên sư Trí Giáo Nhất Cú (tổ thứ 35 của phái Tào Động). Thủy Nguyệt trở thành tổ thứ 36 của thiên phái; đồng thời là sơ tổ - người có công truyền bá phái Tào Động ở Đàng Ngoài, trụ trì chùa Hồng Phúc (chùa Hòe Nhại

Tài liệu tham khảo:

1. Giang Quân (1999), *Hà Nội phố phường*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội, tr.89.
2. Tô Hoài, Nguyễn Vinh Phúc (2000), *Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, T.2, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 44-45.
3. Nguyễn Thế Long: *Đình, Đền Hà Nội đã xếp hạng di tích lịch sử văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.146.
4. Nguyễn Thị Hiền, Hồ sơ di tích Đình - Chùa Cầu Đông, Ban quản lý di tích và danh thắng Hà Nội.

5. Ngô Sĩ Liên (1983), *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Lý Tế Xuyên (1990), *Việt điện u linh*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
7. Phạm Hân (1990), *Tìm lại dấu vết thành Thăng Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Phan Huy Lê (2006), *Vị trí Khu di tích Khảo cổ học 18 Hoàng Diệu trong cấu trúc thành Thăng Long - Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử, Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (2001-2006)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Doãn Đuan Trinh (2000), *Di tích lịch sử - văn hóa Hà Nội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Triệu Dương, Phạm Hòa, Tào Trang, Chu Hà (1971), *Ca dao ngạn ngữ Hà Nội*, Hội Văn nghệ, Hà Nội.
11. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (1993), *Chùa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Uẩn (1995), *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, T.2, Nxb. Hà Nội.

Ảnh minh họa



Bản đồ thành Đông Kinh thời Hồng Đức
 Nguồn: www.1000namthanglonghanoi.vn



Bản sao từ Bản đồ thành Đông Kinh thời Hồng Đức
 (Đông Môn - số 15)
 Nguồn: www.kienviet.net